TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN,** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HN-ST
Ngày: 18/04/2023
Về việc: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Thái

- Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Hồ Minh Khương

2. Ông Ngô Minh Thi

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án Nhân dân quận Ô Môn.

Ngày 18 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 26/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HN ngày 15 tháng 03 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 16 ngày 30 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lưu Thị T, sinh năm 1990

Thường trú: Khu vực T, phường T, quận O, Tp Cần Thơ

- Bị đơn: ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1988

Thường trú: Số 207, Khu vực T, phường T, quận O, Tp Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo Đơn khởi kiện ngày 31/01/2023 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lưu Thị T trình bày: Giữa bà và ông Nguyễn Đức C tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trường Lạc, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2020, ông bà phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Cần không chăm lo cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ con, cuộc sống vợ chồng không hợp nhau. Hiện vợ chồng không còn sống cùng nhau từ năm 2020.

Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, bà không còn tình cảm với ông Nguyễn Đức C nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đức C.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Đức C có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh năm 2007 và Nguyễn Hồng T, sinh năm 2013. Bà yêu cầu được nuôi cháu Thái, không yêu cầu ông Cần cấp dưỡng nuôi con. Thống nhất giao cháu V cho ông Cần trực tiếp nuôi dưỡng do cháu V hiện đang sống bên gia đình ông Cần.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Đức C:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc được ly hôn với ông Nguyễn Đức C, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Tú không còn quan tâm đến vợ, con, thường xuyên gây ra nợ nần, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, không ai quan tâm đến ai, tự mỗi bên làm kiếm thu nhập để sinh sống.

Về con chung thì yêu cầu được nuôi cháu Thái, không yêu cầu ông Cần cấp dưỡng nuôi con. Thống nhất giao cháu V cho ông Cần trực tiếp nuôi dưỡng do cháu V hiện đang sống bên gia đình ông Cần. Đề nghị ông Cần và gia đình không ngăn cản việc bà đến thăm nom, chăm sóc cháu V.

Bị đơn ông Nguyễn Đức C vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến đối với vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật bên tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đức C. Giữa bà Lưu Thị T và ông Nguyễn Đức C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình nên xem là hôn nhân hợp pháp. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Trường Lạc, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải

quyết của Toà án nhân dân quận Ô Môn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn ông Nguyễn Đức C tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Nguyễn Đức C vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án bà Thi trình bày sau khi đăng ký kết hôn, bà và ông Nguyễn Đức C chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, chủ yếu do ông Nguyễn Đức C không chăm lo cho cuộc sống gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Sau đó bà và ông Nguyễn Đức C đã ly thân từ năm 2020 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 17; Điều 19; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì "*Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*" nhưng theo lời trình bày của bà Thi thì từ khi vợ chồng không sống chung tới nay, ông Nguyễn Đức C không đến thăm hỏi, hay có ý muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với ông Nguyễn Đức C nhằm hòa giải, tạo điều kiện để ông bà hàn gắn tình cảm với nhau nhưng ông Nguyễn Đức C vẫn vắng mặt không lý do, thể hiện ông không thật sự muốn hàn gắn tình cảm với bà Thi, cũng như cho thấy ông Cần không còn quan tâm đến đời sống hôn nhân của vợ chồng.

Xét trên thực tế bà Thi và ông Nguyễn Đức C đã sống ly thân, từ lâu không còn sự quan tâm, thăm hỏi với nhau, cho thấy vợ chồng có sự bỏ mặt nhau, muốn sống ra sao thì sống, mặc dù vợ chồng có thời gian dài ly thân nhưng vẫn không thể tiếp tục đời sống hôn nhân. Nhận thấy, tình trạng vợ chồng giữa bà Thi và ông Nguyễn Đức C đã rạn nứt, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục cũng không mang lại hạnh phúc cho bà Thi và ông Nguyễn Đức C. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Lưu Thị T.

[3.2] Về con chung:

Qua lời trình bày của bà Thi thấy rằng hiện cháu Thái đang sinh sống cùng bà Thi, việc sinh hoạt và học tập của cháu Thái là do bà Thi thực hiện, ông Cần từ khi ly thân đến nay không đến thăm hỏi hay cấp dưỡng cho cháu Thái cho thấy ông Cần đã vi phạm nghĩa vụ của cha đối với con, thiếu trách nhiệm trong việc chăm sóc, giáo dục con chung. Bên cạnh, ông Nguyễn Đức C không đến tham gia phiên tòa nên không có ý kiến thừa nhận hay phản đối với lời trình bày của bà Thi nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử ghi nhận lời trình bày của bà Thi. Nhận thấy, việc giao con chung là cháu Thái cho bà Thi trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo được cho cháu về việc phát triển thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của bà Thi. Đối với ý kiến của bà Thi về việc giao cháu V cho ông Cần nuôi dưỡng, nhận thấy đây là sự tự nguyện của bà Thi, ông Cần không có ý kiến phản đối nên ghi nhận.

Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái (con chung) là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Do bà Thi không yêu cầu ông Cần cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do vụ án xét xử vắng mặt bị đơn nên chỉ ghi nhận ý kiến của nguyên đơn về việc không có tài sản chung và không có nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[4] Về án phí: Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Lưu Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* ***Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lưu Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Đức C.

- *Về con chung*:

+ Giao con chung tên Nguyễn Hồng T, sinh năm 2013 cho bà Thi trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Ông Cần có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bà Thi cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Giao con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh năm 2007 cho ông Cần trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Bà Thi có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ông Cần cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Lưu Thị T cho rằng không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Lưu Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003813 ngày 07/02/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, TP. Cần Thơ thành án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định) để yêu cầu Tòa án Nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*** *Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND phường Trường Lạc, Ô Môn;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thanh Thái